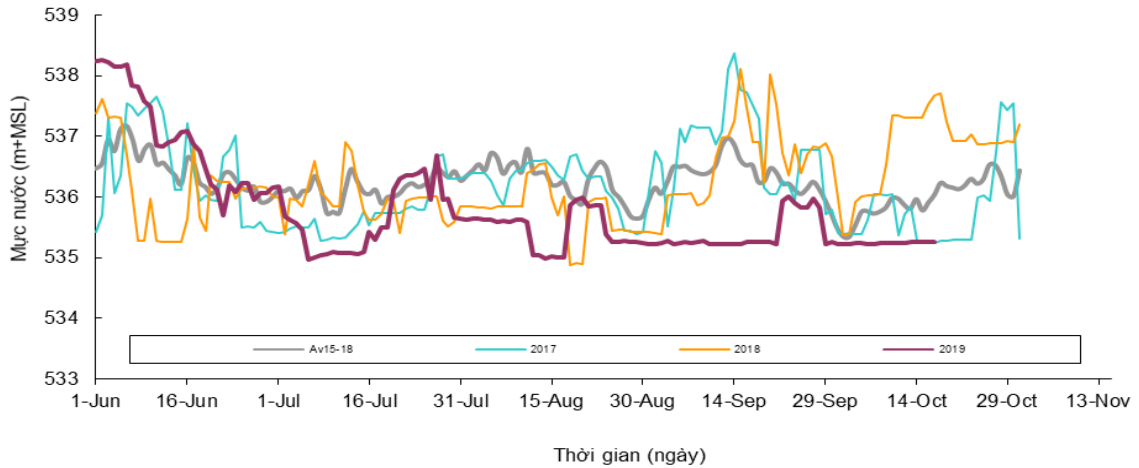


**BẢN TIN**

**DỰ BÁO LŨ THUẬN NGUỒN VÀ NHẬN ĐỊNH NGUỒN NƯỚC,  
 XÂM NHẬP MẶN MÙA KHÔ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG  
 NĂM 2019-2020 PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT**

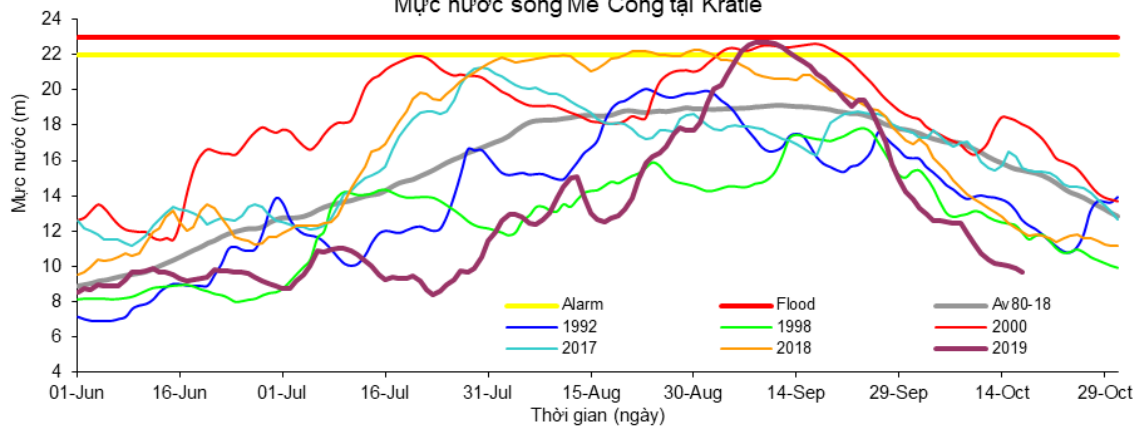
**1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN DÒNG CHÍNH MÊ CÔNG**

**Diễn biến mực nước một số năm tại Jing Hong**



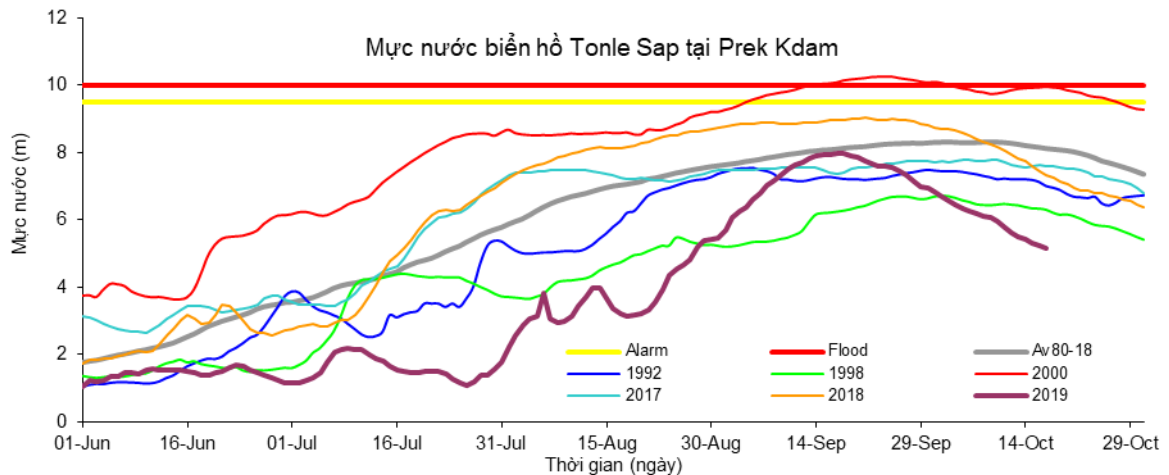
*Hình 1: Diễn biến nước về từ Trung Quốc qua Chiang Saen, cập nhật ngày 17/10/2019*

**Mức nước sông Mê Công tại Kratie**



*Hình 2: Diễn biến nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 17/10/2019*

**Mức nước biển hồ Tonle Sap tại Prek Kdam**



*Hình 3: Diễn biến nước trạm Prek Kdam, Biển hồ, cập nhật ngày 17/10/2019*

Bảng 1: Lũy tích mưa các trạm đến 17/10/2019 và so với một số năm liên quan

TT	Trạm	Quốc gia	Lũy tích mưa đến hiện nay	Lũy tích mưa hết Tháng 10. 2015 (năm hạn)	Thiếu hụt mưa hiện nay đến hết mùa mưa so với một số năm điển hình (dấu – là mưa nhiều hơn )		
					so với năm Trung bình	so với năm 2015	so với năm 2016
1	Chiang Saen	Thái	858	1092	1049	234	775
2	Luang Prabang	Lào	840	1088	407	248	590
3	Chiang khan	Lào	880	992	389	113	424
4	Vientiane	Lào	1681	1472	-63	-209	-34
5	Nong Khai	Thái	1265	1420	318	155	212
6	Paksane	Lào	2273	3254	679	982	340
7	Nakhon Phanom	Thái	2181	1653	87	-527	113
8	Thakhek	Lào	2070	2246	-160	176	-76
9	Mukdahan	Lào	1870	1020	-393	-850	-561
10	Savanakhet	Lào	1272	995	145	-277	-139
11	Khong Chiam	Thái	2135	2273	-212	138	-305
12	Pakse	Lào	1363	1436	660	74	-20
13	Stung Treng	Cam	1440	1275	455	-164	522
14	Kratie	Cam	1386	950	264	-436	-2
15	Kampong Cham	Cam	995	1242	333	247	191
16	Phnom Penh	Cam	845	882	372	37	514
17	Koh Khel	Cam	860	1017		158	780
18	Neak luong	Cam	841	839		-2	883
19	Prek Dam	Cam	1002	854		-148	115
20	Tan Chau	VN	767	702	394	-64	264
21	Chau Doc	VN	897	755	202	-142	348

Bảng 2: Nguồn nước sông Mê Công đến hiện nay so với một số năm liên quan

	Thông tin cập nhật	Đơn vị	Năm 2019	Đặc trưng năm liên quan so với năm 2019				
				2018	2017	TB 80-2018	2015	1992
Kratie	Mức nước hiện tại và cùng thời điểm các năm trước	m	17,73	11,93	15,60	15,43	14,55	12,63
	Chênh lệch so với năm 2019	m		-5,80	-2,13	-2,30	-3,18	-5,10
	Lưu lượng Qlũ hiện tại	m <sup>3</sup> /s	28.583	11.884	21.392	20.899	18.382	13.504
	Chênh lệch Qlũ so với năm 2019	m <sup>3</sup> /s		-	-7191	-7684	-10201	15079
	Tổng lượng Wlũ cùng thời điểm đến hiện tại	Tỷ m <sup>3</sup>	201,9	360,5	299,3	273,4	185,8	221,4
	Khác biệt Wlũ cùng thời điểm so với 2019	Tỷ m <sup>3</sup>		158,6	97,5	71,5	-16,12	19,5
	Wlũ đến hết tháng 10	Tỷ m <sup>3</sup>		378,6	325,6	299,3	205,2	240,2
	Khác biệt Wlũ hết tháng 10 so với hiện tại 2019	Tỷ m <sup>3</sup>		176,7	123,7	97,4	3,3	38,4
Biển hồ	<b>Biển hồ</b>		2019	2018	2017	TB 00-18	2015	2004
	Mức nước Prekdam hiện tại và cùng thời điểm các năm trước	m	5,14	7,33	7,61	8,14	5,81	7,00
	Dung tích hồ	Tỷ m <sup>3</sup>	32,55	44,07	38,62	47,92	20,69	46,36
	Khác biệt so với cùng kỳ	Tỷ m <sup>3</sup>		11,51	6,07	15,37	-11,86	13,80

## 2. DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC MÙA LŨ VỀ ĐỒNG BẰNG

Theo dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, duy trì trạng thái El Nino yếu từ nay đến khoảng tháng 11 năm 2019 với xác suất khoảng 50-55%, nhiệt độ trung bình ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn từ 0,5 đến 1,0 độ C so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Khu vực ĐBSCL từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2020 phổ biến ở mức thấp hơn TBNN từ 10-30%, trừ tháng 12/2019 khả năng ở mức cao hơn TBNN từ 10-30%. Tổng lượng dòng chảy trên các trạm thượng nguồn Mê Kông ở mức thấp hơn so với TBNN từ 20-30%.

Cập nhật phân tích dự báo dòng chảy mùa lũ 2019, diễn biến mưa trên lưu vực cùng với các tác động do điều tiết thủy điện trên lưu vực, năm 2019 lũ nhỏ, lũ thượng nguồn đang giảm nhanh, mực nước biển hồ Tonle Sap đã đạt đỉnh 7,21m tại Kampong Luong tương đương với dung tích lớn nhất xấp xỉ 38 tỷ m<sup>3</sup>. Mực nước lũ lớn nhất tại Tân Châu đã đạt đỉnh 3,63m (18/9) và Châu Đốc là 3,15m (ngày 26/9). Vùng trung tâm đồng bằng, đỉnh lũ lịch sử tại Cần Thơ 2,25m và Mỹ Thuận 2,12m ngày 30/9. Dự báo lũ thượng nguồn có xu thế giảm nhanh xuống dưới 2,0m tại Tân Châu đến cuối tháng 10. Vùng trung tâm đồng bằng mực nước giảm dần và tăng trở lại vào đợt triều cao cuối tháng 10.

## 3. NHẬN ĐỊNH NGUỒN NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN MÙA KHÔ 2019-2020 VÀ KIẾN NGHỊ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT :

### 3.1. Dự báo nguồn nước và xâm nhập mặn

Nhận định nguồn nước mùa khô 2019-2020 sẽ ít thuận lợi, nguy cơ mặn xuất hiện sớm hơn so với năm 2019 khoảng 10-15 ngày, so TBNN khoảng 1-2 tháng (tùy vùng) và hạn hán thiếu nước có thể xảy ra, dự báo xâm nhập mặn theo các cửa sông như Bảng 3, cụ thể

Bảng 3: Dự báo xâm nhập mặn lớn nhất ở các cửa sông 2020 so với các năm

Cửa sông	Lmặn dự báo /2019/2016/TBNN
Vàm Cỏ Đông	67/60/95/60
Vàm Cỏ Tây	65/58/92/58
Cửa Tiểu	40/34/48/31
Cửa Đại	45/40/51/32
Hàm Luông	50/43/60/31
Cổ Chiên	55/50/65/34
Sông Hậu	50/45/60/35
Sông Cái Lớn	45/35/62/40

- Tháng 12/2019, ranh mặn 4 g/lít ảnh hưởng đến 20-30 km (phạm vi này chưa ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi).

- Tháng 1, 2/2020, ranh mặn 4g/l vào sâu từ 40-67 km, cao hơn 10-15 km so với TBNN, thấp hơn năm 2016 từ 6 -27 km. Đây là phạm vi ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi, nhất là trong các kỳ triều cường.
- Tháng 3/2020, tùy thuộc vào lượng nước điều tiết từ các hồ chứa ở thượng nguồn sông Mê Công, trường hợp nguồn nước tăng như thường xuất hiện ở một số năm gần đây xâm nhập mặn sẽ giảm; trường hợp nguồn nước không tăng, xâm nhập mặn tiếp tục ở mức như tháng 1, 2/2020.
- Các ngày trường cường, gió chướng mạnh xâm nhập mặn có thể tăng đột biến so với dự báo nhưng ở thời đoạn ngắn.

### 3.2. Vùng có khả năng bị ảnh hưởng bởi mặn, hạn vụ Đông Xuân

Với dự báo nguồn nước thấp và xâm nhập mặn đến sớm mùa khô 2020, một số vùng có nguy cơ ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn như Bảng 4.

Bảng 4: Một số khu vực có nguy cơ ảnh hưởng bởi mặn năm 2020

TT	Tỉnh	Huyện	Nguy cơ (ha)
1	Tiền Giang (12.173 ha)	Gò Công Đông	10.327
		Gò Công Tây	1.546
		Tân Phú Đông	300
2	Bến Tre (11.962 ha)	Ba Tri	10.000
		Giồng Trôm	1.910
		Thạnh Phú	52
3	Trà Vinh	Trà Cú	12.774
4	Sóc Trăng (49.759 ha)	Long Phú	27.092
		Trần Đề	22.667
5	Bạc Liêu (15.081 ha)	Vĩnh Lợi	2.581
		Phước Long	12.500
<b>Diện tích lúa Đông Xuân</b>			<b>101.749</b>

### 3.3. Khuyến nghị chỉ đạo cấp nước và điều hành sản xuất

Với dự báo lũ nhỏ ở 2019 và nhận định nguồn nước mùa khô 2019-2020 sẽ ít thuận lợi, nguy cơ mặn xuất hiện sớm và hạn hán thiếu nước có thể xảy ra, vì vậy Kiến nghị Tổng cục Thủy lợi:

Xem xét ban hành văn bản chỉ đạo ngành Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, nhất là tỉnh ven biển: xây dựng kế hoạch, chuẩn bị phương án ứng phó phòng chống hạn mặn; tuyên truyền về tình hình nguồn nước, xâm nhập mặn tới người dân; vận động nhân dân phối hợp với các đơn vị quản lý, khai thác công trình tranh thủ lấy, trữ nước.

Khuyến cáo các vùng cách biển đến 30km, nếu xuống giống từ giữa tháng 12/2019 mà không có giải pháp công trình chủ động tiếp nguồn thì nguy cơ xảy ra hạn cao, cần thận trọng xuống giống vụ Đông Xuân.

Tiếp tục tăng cường công tác giám sát, dự báo để cập nhật kịp thời về diễn biến thủy văn, nguồn nước, xâm nhập mặn ở các Viện.

Khiến nghị các địa phương cần có kế hoạch chủ động sản xuất trong mùa mưa lũ và mùa kiệt sắp tới, cụ thể:

Về quản lý nước và chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu và Thu Đông: Vận hành hệ thống công trình hợp lý với điều kiện lũ nhỏ, chủ động ứng phó với trường hợp lũ thấp nên sâu bệnh và chuột hại có thể xảy ra do đồng ruộng không được cải thiện môi trường.

Về quản lý nước và chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân năm 2019-2020: nguy cơ hạn mặn cao ở mùa khô 2019-2020, vì vậy cần chuẩn bị trước các kế hoạch ứng phó mặn xuất hiện sớm đầu mùa khô (ngay từ tháng 12/2019-1/2020) và nghiêm trọng vào tháng 2 đến đầu tháng 3/2020; bố trí sản xuất sớm các vụ Thu Đông, Mùa và Đông Xuân ở những vùng có nguy cơ rủi ro cao. Viện sẽ liên tục cập nhật các bản tin đến cuối tháng 10.

***Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 17/10/2019***